

Bài báo nghiên cứu

**NHẬN ĐỊNH VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CỦA HỌC SINH
TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP
KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ**

Đỗ Đình Thái¹, Nguyễn Thị Tú^{2*}

¹Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

^{*}Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tú – Email: tunth@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 25-3-2026; Ngày nhận bài sửa: 17-4-2026; Ngày duyệt đăng: 21-4-2026

TÓM TẮT

Năng lực và phẩm chất của học sinh (HS) là thành tố cốt lõi của quá trình giáo dục HS trở thành công dân toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, người có ích cho xã hội và góp phần duy trì và cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường; minh chứng cho tính toàn diện của chương trình giáo dục. Bài viết trình bày kết quả khảo sát, đánh giá nhận định của 3,831 giáo viên (GV) và 5,702 HS về năng lực và phẩm chất của HS (gồm 11 nội dung) trong các trường trung học cơ sở công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Bình Dương và Tây Ninh cho thấy GV và HS tại TPHCM và Bình Dương đánh giá các nội dung khảo sát cao hơn GV và HS tại Tây Ninh; kiểm định T-test giữa GV và HS tại TPHCM có 9/11 nội dung và tại Bình Dương có 11/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, tại Tây Ninh có 11/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS; kiểm định ANOVA giữa 3 tỉnh đối với GV có 11/11 nội dung và đối với HS có 10/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: năng lực; phẩm chất; trung học cơ sở; Đông Nam Bộ

1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục phổ thông (QĐ 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) nêu rõ: Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hòa đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hóa dần ở các lớp học trên; thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi HS, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó. (Ministry of

Cite this article as: Do, D. T., & Nguyen, T. T. (2026). Assessing students' competencies and qualities in public secondary schools in Southeastern Vietnam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(4), 884-894. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.5666\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.5666(2026))

Education and Training, 2018)

Trong đó, “Chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp HS phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.” (Ministry of Education and Training, 2018); được xây dựng theo hướng mở đáp ứng mục tiêu về phẩm chất và năng lực HS, định hướng đánh giá được các phẩm chất và năng lực khác nhau của HS (quan tâm đến năng lực đặc biệt của HS) với tiếp cận “lấy người học làm trung tâm”, “định hướng phát triển năng lực người học”, “dạy những gì xã hội cần”, chú trọng sản phẩm đào tạo hội đủ 4 trụ cột của UNESCO (học để biết – năng lực chuyên môn, học để làm – năng lực phương pháp, học để cùng chung sống – năng lực xã hội và học để tự khẳng định – năng lực cá thể). Năng lực và phẩm chất là 2 thành tố cốt lõi của quá trình giáo dục HS trở thành công dân toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, người có ích cho xã hội và góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nghiên cứu khảo sát nhận thức của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS ở các trường trung học cơ sở công lập khu vực Đông Nam Bộ, cụ thể tại TPHCM, Bình Dương và Tây Ninh (dữ liệu khảo sát được thực hiện vào tháng 11/2024, trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (01/7/2025). Sau ngày 01/7/2025, 3 tỉnh được sáp nhập thành TPHCM.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực và phẩm chất học sinh

Andreas (2016) cho rằng chất lượng giáo dục không bao giờ có thể vượt quá chất lượng giảng dạy và GV. Như vậy, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nào giúp GV thành công? Và những điều này ở mức độ nào và liên quan như thế nào đến đào tạo GV?. Các nhà giáo dục đều quan tâm đến các năng lực quan trọng mà các chương trình đào tạo và quá trình đào tạo khác nhau cần tập trung vào để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và có thể ứng phó với các thách thức toàn cầu (Nguyen et al., 2024). Theo Chương trình giáo dục phổ thông: năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể và phẩm chất: là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người. Các yêu cầu cần đạt về năng lực chung của HS gồm năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của HS gồm yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm (Ministry of Education and Training, 2018). Năng lực và phẩm chất của HS gắn liền với 4 trụ cột của UNESCO gồm: (1) học để biết gắn với năng lực chuyên môn; (2) học để làm gắn với năng lực phương pháp; (3) học để cùng chung sống gắn với năng lực xã hội và (4) học

để tự khẳng định gắn với năng lực cá thể (Jacques et al., 1996). Sobe (2021) đã điều chỉnh 4 trụ cột của UNESCO hướng đến giáo dục để duy trì cộng đồng và định hướng học để tham gia và kết nối toàn cầu gồm: (1) Học để cùng nghiên cứu, tìm hiểu và cùng xây dựng; (2) Học để liên kết mọi người hành động; (3) Học để sống trong một cộng đồng quốc tế và (4) học để quan tâm và chia sẻ; Hoang và cộng sự (2017) đề cập đến năng lực chung gồm năng lực học tập chung, cơ bản; năng lực tư duy; năng lực thu thập (tìm kiếm, tổ chức, xử lý thông tin); năng lực phát triển và giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực tự quản lý và phát triển bản thân và phẩm chất gồm tình yêu gia đình, quê hương đất nước; nhân ái, khoan dung, quan hệ thân thiện với con người và môi trường tự nhiên; trung thực trong học tập và trong các mối quan hệ; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; tự chủ, tự tin và có tinh thần vượt khó; chấp hành pháp luật, nội quy, quy định nơi công cộng (Hoang et al., 2017; Le (2018) mô tả văn hóa học tập thể hiện qua hoạt động học tập của HS trong nhà trường như một nội dung gắn liền với năng lực và phẩm chất của HS thông qua các chỉ số thực hiện văn hóa học tập trong hoạt động của nhà trường gồm xây dựng mục tiêu học tập, vận dụng các kỹ năng quản lý để hoàn thành mục tiêu học tập, tổ chức các hoạt động nhằm hoàn thành nhiệm vụ học tập...; các chỉ số thực hiện văn hóa quản lý thông qua khả năng vận dụng các hình thức và phương pháp học tập một cách linh hoạt và phù hợp gồm tính tích cực chủ động, tính tự chủ và tác phong học tập của HS... và các chỉ số thực hiện văn hóa học tập thông qua việc xây dựng cho HS tác phong học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo gồm hình thành ý thức tự học, chăm chỉ và có bản lĩnh trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập, có khả năng đề xuất ý kiến cá nhân và biết tôn trọng, tuân thủ theo các nguyên tắc, quy định của nhà trường và lớp học trong quá trình học tập... (Le, 2018). Nyukorong (2014) cho rằng để có thể thực hiện một dự án chất lượng, HS phải chú ý đến các yêu cầu và điều kiện đa dạng của các giai đoạn nghiên cứu các hoạt động chính của dự án ứng với việc sử dụng một tập các năng lực cụ thể để thực hiện các hoạt động này. Nếu HS không áp dụng đúng năng lực (về kiến thức, kỹ năng, khả năng, hành vi, năng khiếu) đúng thời điểm thì sẽ có sai sót trong thực hiện và kết quả có thể không thể thực hiện một nghiên cứu chất lượng. Từ các nội dung của các tác giả về năng lực và phẩm chất của HS và tham khảo bảng hỏi trong nghiên cứu của (Do, 2018), nghiên cứu xác định nội dung năng lực và phẩm chất của HS gồm: (1) Năng lực học tập; (2) Khả năng tự học; (3) Chủ động học tập; (4) Hỗ trợ, chia sẻ; (5) Yêu nước, tự hào dân tộc; (6) Trách nhiệm xã hội; (7) Trách nhiệm học tập; (8) Đạo đức, nhân cách; (9) Thật thà, trung thực; (10) Thẳng thắn; (11) Tự tin.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm làm rõ ý kiến đánh giá của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS trong các trường trung học cơ sở công lập ở khu vực Đông Nam Bộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Phiếu khảo sát được xây dựng gồm 11 nội dung đánh giá nhận thức về năng lực và phẩm chất của HS trung học cơ sở sử dụng thang đo Likert 5

mức độ từ 1: Thể hiện rất thấp đến 5: Thể hiện rất cao. Khảo sát đại diện tại 3 tỉnh, thành phố: TPHCM, Bình Dương và Tây Ninh (khu vực Đông Nam Bộ gồm 1 thành phố và 5 tỉnh). Trong nghiên cứu, tác giả chọn khảo sát theo mẫu ngẫu nhiên thuận tiện tại các trường trung học cơ sở công lập ở 3 tỉnh phù hợp/đáp ứng mục đích nghiên cứu và bảo đảm số lượng mẫu tối thiểu. Nghiên cứu thu thập thông tin theo 2 hình thức trực tuyến (bằng Google Form) và phiếu khảo sát; xử lý dữ liệu thu thập được bằng phần mềm Excel và SPSS. Số lượng sau khi lọc và làm sạch dữ liệu như Bảng 1. Độ tin cậy của thang đo được kiểm tra bằng tính toán Cronbach's Alpha có độ tin cậy 0,923 trở lên, hệ số tương quan biến tổng của các biến đều lớn hơn 0,3. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, hệ số tương quan biến tổng của biến số > 0,3 đủ điều kiện để phân tích dữ liệu. (Hoang & Chu, 2008)

Bảng 1. Số lượng khách thể khảo sát

	GV	HS	Cộng
TPHCM	3217	1209	4426
Bình Dương	307	2575	2882
Tây Ninh	307	1918	2225
Tổng cộng	3831	5702	9533

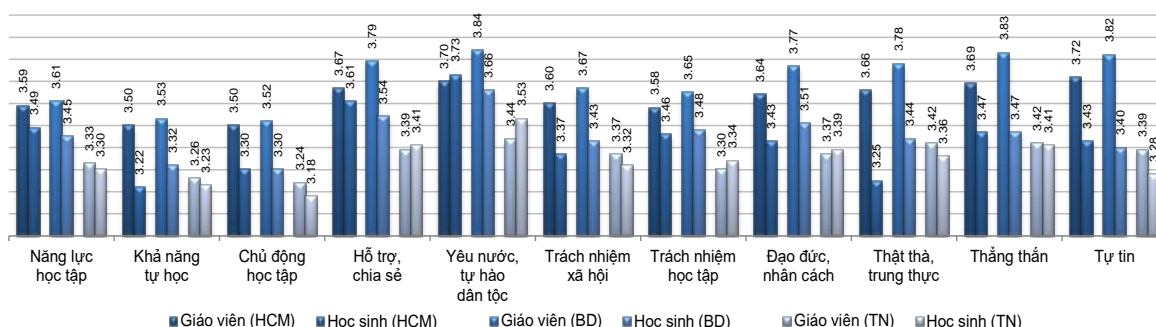
Mẫu khảo sát của từng nhóm đối tượng khảo sát được tính toán dựa trên công thức biết được tổng thể $n = N / (1 + N \times e^2)$; trong đó, n là kích thước mẫu, N là số lượng tổng thể và chọn độ chính xác là 95% (e sai số tiêu chuẩn là $\pm 0,05$). Mẫu khảo sát $n_{HS} = 600.176 / (1 + 600.176 \times 0,05^2) = 400$; Mẫu khảo sát $n_{GV} = 24.258 / (1 + 24.258 \times 0,05^2) = 394$.

Mặc dù mẫu khảo sát được chọn ở mỗi tỉnh, thành phố bảo đảm số lượng mẫu tối thiểu (HS: 400; GV: 394) nhưng số lượng phản hồi thực tế đạt 9533 khách thể (3831 GV và 5702 HS), vượt xa ngưỡng kỳ vọng ban đầu. Sự chênh lệch về cơ cấu mẫu tại Bảng 1 xuất phát từ các lí do sau: Tại TPHCM, số lượng GV (3217) cao vượt trội so với HS (1209) do đây là địa bàn trọng điểm, nơi có mạng lưới kết nối sự phạm rộng và đội ngũ nhà giáo phản hồi trực tuyến ở mức độ cao. Việc tập trung mẫu GV lớn tại đây giúp gia tăng độ tin cậy cho các phép kiểm định so sánh đặc thù đối với nhóm đối tượng giảng. Trong khi đó, tại Bình Dương và Tây Ninh, số lượng GV tương đồng (307 người/tỉnh) là kết quả của nỗ lực kiểm soát mẫu tại các cụm trường đại diện nhằm đảm bảo tính đối trọng tối thiểu giữa các địa phương. Về số lượng HS, quy mô mẫu tại Bình Dương (2575) và Tây Ninh (1918) đạt mức cao nhờ sự hỗ trợ từ các trường trong việc triển khai khảo sát đồng bộ theo đơn vị lớp.

2.3. Kết quả và thảo luận

Kết quả khảo sát 3831 GV và 5702 HS tại TPHCM, Bình Dương và Tây Ninh về năng lực và phẩm chất của HS trong các trường trung học cơ sở công lập cho kết quả thống kê và so sánh mức độ đánh giá giữa GV và HS được trình bày dưới đây.

Biểu đồ 1. Ý kiến của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS tại 3 tỉnh theo đối tượng khảo sát



Ghi chú: HCM: Thành phố Hồ Chí Minh, BD: Bình Dương, TN: Tây Ninh

Tại TPHCM (với 3217 GV và 1209 HS), kết quả cho thấy sự đồng thuận cao ở hai tiêu chí “Hỗ trợ, chia sẻ” (3,67 và 3,61) và “Yêu nước, tự hào dân tộc” (3,70 và 3,73) khi đều đạt mức “Thể hiện cao”. Đối với GV, các khía cạnh còn lại cũng được ghi nhận ở mức độ này với điểm trung bình dao động từ 3,50 đến 3,72. Trong khi đó, nhóm HS đánh giá các yếu tố như “Năng lực học tập” (3,49), “Trách nhiệm học tập” (3,46), “Đạo đức, nhân cách” (3,43), “Thẳng thắn” (3,47) và “Tự tin” (3,43) ở mức “Thể hiện cao”; các phần còn lại chủ yếu thuộc mức “Thể hiện trung bình”.

Tại Bình Dương, kết quả khảo sát 307 GV và 2.575 HS phản ánh việc đội ngũ nhà giáo nhận định các chỉ số đều đạt mức “Thể hiện cao” (3,52-3,84). Trong đó, điểm cao nhất thuộc về “Yêu nước, tự hào dân tộc” (3,84) và thấp nhất là “Khả năng tự học” (3,52). Tương tự, HS đánh giá đa số các phương diện ở mức “Thể hiện cao” (3,44-3,66), với giá trị dẫn đầu là “Yêu nước, tự hào dân tộc” (3,66) và thấp nhất là “Chủ động học tập” (3,30 – mức “Thể hiện trung bình”). Như vậy, GV và HS tại địa phương này đều dành sự ưu tiên cho giá trị yêu nước nhưng chưa thực sự kỳ vọng nhiều vào tính tự học và chủ động của người học.

Trong khi GV và HS tại TPHCM và Bình Dương đánh giá đa số nội dung ở mức “Thể hiện cao”, thì tại Tây Ninh, các nhận định chủ yếu dừng lại ở mức “Thể hiện trung bình”. 307 GV và 1918 HS đánh giá khá tương đồng ở các nội dung khảo sát và phần lớn ở mức độ “Thể hiện trung bình”. Khía cạnh “Yêu nước, tự hào dân tộc” được GV và HS đánh giá cao nhất ở mức độ “Thể hiện cao” với giá trị trung bình tương ứng 3,44 và 3,53. Tiêu chí “Chủ động học tập” được GV và HS đánh giá thấp nhất ở mức độ “Thể hiện trung bình” với giá trị trung bình tương ứng 3,24 và 3,18. Các nội dung được đánh giá ở mức độ “Thể hiện cao” từ GV gồm “Thật thà, trung thực” (3,42) và “Thẳng thắn” (3,42); từ HS gồm “Hỗ trợ, chia sẻ” (3,41) và “Thẳng thắn” (3,41).

Tóm lại, GV và HS tại TPHCM và Bình Dương có xu hướng đánh giá các khía cạnh khảo sát cao hơn so với Tây Ninh. Tuy nhiên, các giá trị như “Yêu nước, tự hào dân tộc” và “Thẳng thắn” đều đạt ngưỡng “Thể hiện cao” trên cả ba địa bàn. Bên cạnh đó, trong khi GV cả ba tỉnh đều đánh giá cao phẩm chất “Thật thà, trung thực”, phía HS lại tập trung sự đồng

thuận vào yếu tố “Hợp tác, chia sẻ”. Các phương diện về năng lực, trách nhiệm và đạo đức HS cũng được ghi nhận ở mức “Thể hiện cao” tại hai đơn vị dẫn đầu là TPHCM và Bình Dương; đồng thời các chỉ số còn lại cũng nhận được sự nhìn nhận tích cực từ cả hai nhóm khách thể.

Bảng 2. Kết quả kiểm định T-test sự khác biệt đánh giá của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS tại 3 tỉnh

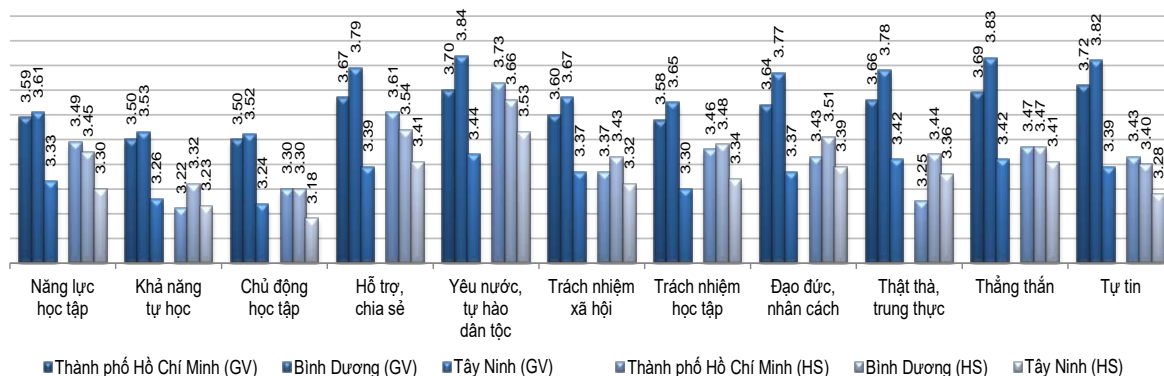
Nội dung	TPHCM		Bình Dương		Tây Ninh	
	Mức ý nghĩa của kiểm định					
	Levene	T-test	Levene	T-test	Levene	T-test
Năng lực học tập	0,265	0,007	0,000	0,018	0,003	0,709
Khả năng tự học	0,717	0,000	0,000	0,002	0,000	0,718
Chủ động học tập	0,085	0,000	0,000	0,003	0,000	0,434
Hỗ trợ, chia sẻ	0,000	0,116	0,000	0,000	0,000	0,815
Yêu nước, tự hào dân tộc	0,000	0,473	0,000	0,007	0,000	0,295
Trách nhiệm xã hội	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,480
Trách nhiệm học tập	0,005	0,002	0,000	0,011	0,000	0,567
Đạo đức, nhân cách	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,742
Thật thà, trung thực	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,435
Thẳng thắn	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,920
Tự tin	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,125

Kiểm định T-test sự khác biệt 2 mẫu độc lập (Bảng 2) đánh giá về năng lực và phẩm chất của HS giữa GV và HS tại TPHCM cho thấy mức ý nghĩa của kiểm định Levene 09/11 nội dung khảo sát $< 0,05$, trong đó, nội dung “Hỗ trợ, chia sẻ” và “Yêu nước, tự hào dân tộc” có mức ý nghĩa của kiểm định T-test 0,116 và 0,473 $> 0,05$, do vậy, 02 nội dung này không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS, các nội dung còn lại có mức ý nghĩa của kiểm định T-test từ 0,000 đến 0,002 $< 0,05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS; 02/11 nội dung “Năng lực học tập” và “Khả năng tự học” có mức ý nghĩa của kiểm định Levene 0,265 và 0,717 $> 0,05$ và mức ý nghĩa của kiểm định T-test 0,007 và 0,000 $< 0,05$, do vậy, 02 nội dung này có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS; tại Bình Dương cho thấy 11/11 nội dung khảo sát có mức ý nghĩa của kiểm định Levene 0,000 $< 0,05$ và mức ý nghĩa của kiểm định T-test từ 0,000 đến 0,018 $< 0,05$, do vậy, 11/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS; tại Tây Ninh cho thấy 11/11 nội dung khảo sát có mức ý nghĩa của kiểm định Levene từ 0,000 đến 0,003 $< 0,05$ và mức ý nghĩa của kiểm định T-test từ 0,125 đến 0,920 $> 0,05$, do vậy, 11/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá GV và HS. Tóm lại, tại TPHCM có 02/11 nội dung “Hỗ trợ, chia sẻ” và “Yêu nước, tự hào dân tộc” không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và 09/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê; tại Bình Dương có 11/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và tại

Tây Ninh có 11/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS.

Kết quả khảo sát thể hiện sự đồng nhất đáng kể trong hệ giá trị cốt lõi giữa các địa phương khi nội dung “Yêu nước, tự hào dân tộc” luôn nhận được mức đánh giá cao nhất từ cả GV và HS. Điều này minh chứng cho hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và truyền thống trong nhà trường phổ thông hiện nay. Tuy nhiên, điểm đánh giá thấp nhất tập trung vào “Khả năng tự học” và “Chủ động học tập” phản ánh một thách thức chung trong việc chuyển đổi từ phương thức học tập thụ động sang chủ động theo định hướng phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông. Sự chênh lệch điểm đánh giá cao hơn tại TPHCM và Bình Dương so với Tây Ninh có thể liên quan đến mức độ tiếp cận nguồn lực giáo dục, hạ tầng công nghệ và các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa phong phú tại các trung tâm kinh tế năng động, giúp HS có nhiều cơ hội để bộc lộ và rèn luyện năng lực cá nhân hơn.

Biểu đồ 2. Ý kiến của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS tại 3 tỉnh theo tỉnh, thành phố khảo sát



Biểu đồ 2 so sánh ý kiến đánh giá của 3831 GV tại 3 tỉnh cho thấy GV tại TPHCM và Bình Dương đánh giá các nội dung cao hơn tại Tây Ninh. Cụ thể, nội dung “Năng lực học tập”, “Khả năng tự học” và “Chủ động học tập” được GV tại TPHCM và Bình Dương đánh giá khá tương đồng ứng với giá trị trung bình lần lượt 3,59 và 3,61, 3,50 và 3,53, 3,50 và 3,52, các nội dung còn lại được GV tại Bình Dương (giá trị trung bình từ 3,65 đến 3,84) đánh giá cao hơn GV tại TPHCM (giá trị trung bình từ 3,58 đến 3,72), GV tại Tây Ninh đánh giá các nội dung có giá trị trung bình từ 3,24 đến 3,44; ý kiến đánh giá của 5702 HS tại 3 tỉnh tương tự kết quả khảo sát GV cho thấy HS tại TPHCM và Bình Dương đánh giá các nội dung cao hơn tại Tây Ninh. Cụ thể, nội các dung được GV tại TPHCM và Bình Dương đánh giá khá tương đồng, riêng nội dung “Thật thà, trung thực”, HS tại Bình Dương (3,44) đánh giá cao hơn HS tại TPHCM (3,25), HS tại Tây Ninh đánh giá các nội dung có giá trị trung bình từ 3,18 đến 3,53.

Kết quả kiểm định T-test (Bảng 2) cho thấy sự tương đồng lớn trong nhận định giữa GV và HS tại Tây Ninh (11/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê), trong khi tại TPHCM và Bình Dương lại tồn tại sự khác biệt đáng kể ở đa số các nội dung. Điều này gọi

mở rộng tại các địa phương có tốc độ đô thị hóa và áp lực thành tích học tập cao, GV thường có xu hướng kì vọng khắt khe hơn hoặc có tiêu chuẩn đánh giá năng lực HS khác biệt so với sự tự cảm nhận của chính các em. Sự khác biệt này phản ánh “khoảng cách nhận thức” cần được thu hẹp thông qua việc đổi mới phương pháp đánh giá thường xuyên, chú trọng hơn đến tiếng nói và sự tự đánh giá của người học để tạo ra sự đồng thuận trong mục tiêu giáo dục.

Bảng 3. Kết quả kiểm định ANOVA sự khác biệt đánh giá của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS giữa 3 tỉnh

Nội dung	GV		HS	
	Mức ý nghĩa của kiểm định			
	Levene	F/Welch	Levene	Welch
Năng lực học tập	0,219	0,001 (F)	0,000	0,000
Khả năng tự học	0,675	0,002 (F)	0,000	0,028
Chủ động học tập	0,717	0,001 (F)	0,000	0,004
Hỗ trợ, chia sẻ	0,000	0,000 (W)	0,000	0,000
Yêu nước, tự hào dân tộc	0,000	0,000 (W)	0,000	0,000
Trách nhiệm xã hội	0,034	0,003 (W)	0,000	0,035
Trách nhiệm học tập	0,045	0,000 (W)	0,000	0,003
Đạo đức, nhân cách	0,000	0,000 (W)	0,000	0,013
Thật thà, trung thực	0,001	0,000 (W)	0,000	0,000
Thăng tiến	0,000	0,000 (W)	0,000	0,272
Tự tin	0,001	0,000 (W)	0,000	0,002

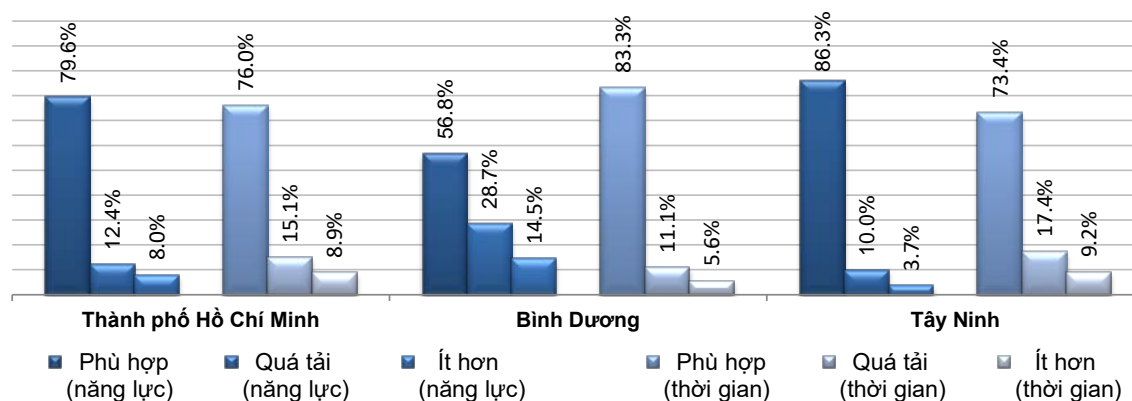
Kiểm định ANOVA sự khác biệt ý kiến đánh giá về năng lực và phẩm chất của HS tại 3 tỉnh (Bảng 3) của GV cho thấy mức ý nghĩa của kiểm định Levene 03 nội dung “Năng lực học tập”, “Khả năng tự học” và “Chủ động học tập” (0,219, 0,675 và 0,717) > 0,05 và mức ý nghĩa của kiểm định F 03 nội dung (0,001, 0,002 và 0,001) < 0,05, do vậy, 03 nội dung này có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến của GV giữa 3 tỉnh; 08 nội dung còn lại có mức ý nghĩa của kiểm định Levene từ 0,000 đến 0,045 < 0,05 và mức ý nghĩa của kiểm định Welch từ 0,000 đến 0,003 < 0,05, do vậy, 08 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến của GV giữa 3 tỉnh; của HS cho thấy mức ý nghĩa của kiểm định Levene của 11 nội dung 0,000 < 0,05, trong đó, nội dung “Thăng tiến” có mức ý nghĩa của kiểm định Welch 0,272 > 0,05, do vậy, nội dung “Thăng tiến” không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến của HS giữa 3 tỉnh; 10 nội dung còn lại có mức ý nghĩa của kiểm định Welch từ 0,000 đến 0,035 < 0,05, do vậy, 10 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến của HS giữa 3 tỉnh. Tóm lại, đối với GV có 11/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, đối với HS có 01/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và 10/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến của GV/HS giữa 3 tỉnh.

Việc tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 3 tỉnh thành đối với hầu hết các nội dung ở Bảng 3 khẳng định rằng môi trường giáo dục địa phương và điều kiện kinh tế - xã hội vùng miền có tác động trực tiếp đến mức độ hình thành năng lực và phẩm chất của HS. Điểm đáng lưu ý là nội dung “Thăng tiến” ở nhóm HS không có sự khác biệt giữa các địa phương, cho thấy đây là một giá trị đạo đức mang tính phổ quát, ít chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tác

động từ điều kiện vật chất hay sự khác biệt trong quản lí giáo dục giữa các tỉnh thành trong khu vực Đông Nam Bộ.

Khối lượng việc học tập của HS có ảnh hưởng không nhỏ đến năng lực và phẩm chất của HS. Nghiên cứu tiến hành khảo sát ý kiến HS về khối lượng việc học tập của HS so với năng lực và thời gian tại TPHCM (1209 HS), Bình Dương (2575 HS) và Tây Ninh (1918) cho kết quả ở Biểu đồ 3.

Biểu đồ 3. Ý kiến của HS về khối lượng việc học tập của HS so với năng lực và thời gian



Phần lớn HS tại 3 tỉnh đều cho rằng khối lượng việc học tập của HS phù hợp với năng lực (từ 56,8% đến 86,3%) và thời gian (từ 73,4% đến 83,3%), trong đó, khối lượng việc học tập của HS phù hợp với năng lực cao nhất tại Tây Ninh (86,3%), thấp nhất tại Bình Dương (56,8%); khối lượng việc học tập của HS phù hợp với thời gian cao nhất tại Bình Dương (83,3%), thấp nhất tại Tây Ninh (73,4%). Về khối lượng việc học tập của HS phù hợp với năng lực và thời gian tại TPHCM khá tương đồng (79,6% và 76,0%), tại Bình Dương khối lượng việc học tập phù hợp với năng lực thấp hơn phù hợp với thời gian (56,8% và 83,3%), tại Tây Ninh khối lượng việc học tập phù hợp với năng lực cao hơn phù hợp với thời gian (86,3% và 73,4%). Khối lượng việc học tập của HS quá tải hoặc ít hơn so với năng lực và thời gian chiếm tỉ lệ dưới 30%, cụ thể, khối lượng việc học tập của HS tại TPHCM, Bình Dương và Tây Ninh quá tải so với năng lực tương ứng 12,4%, 28,7% và 10,0%, ít hơn so với năng lực tương ứng 8,0%, 14,5% và 3,7%; khối lượng việc học tập của HS tại TPHCM, Bình Dương và Tây Ninh quá tải so với thời gian tương ứng 15,1%, 11,1% và 17,4%, ít hơn so với thời gian tương ứng 8,9%, 5,6% và 9,2%. Đáng chú ý, tại Bình Dương tỉ lệ HS cho rằng khối lượng việc học tập quá tải so với năng lực chiếm 28,7%, ít hơn so với năng lực chiếm 14,5%, các tỉ lệ còn lại không có sự chênh lệch đáng kể.

Kết quả khảo sát HS về khối lượng việc học tập của HS so với năng lực và thời gian ở mức độ phù hợp khá cao tại 3 tỉnh minh chứng cho tính phù hợp với ý kiến đánh giá của GV và HS về năng lực và phẩm chất của HS.

3. Kết luận

Nghiên cứu chỉ ra rằng GV và HS tại TPHCM và Bình Dương đánh giá các nội dung khảo sát cao hơn GV và HS tại Tây Ninh. Trong đó, nội dung “Yêu nước, tự hào dân tộc”

và “Thăng thán” được GV và HS 3 tỉnh đánh giá ở mức độ “Thể hiện cao”; điều này phản ánh sự ổn định và thống nhất của các giá trị đạo đức cốt lõi trong hệ thống giáo dục phổ thông, đồng thời cho thấy mức độ biểu hiện năng lực của HS có sự tương quan thuận với trình độ phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Kiểm định T-test 2 mẫu độc lập ý kiến đánh giá giữa GV và HS cho kết quả tại TPHCM có 02/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và 09/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Tại Bình Dương có 11/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và tại Tây Ninh có 11/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý kiến đánh giá giữa GV và HS; kết quả này gợi mở về sự tồn tại của một khoảng cách nhận thức tại các khu vực đô thị hóa cao, nơi kì vọng của GV và sự tự đánh giá của HS chưa đạt được tiếng nói chung so với các khu vực có nhịp độ giáo dục truyền thống hơn.

Kiểm định ANOVA sự khác biệt ý kiến đánh giá của GV và HS giữa 3 tỉnh cho kết quả đối với GV có 11/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, đối với HS có 01/11 nội dung không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và 10/11 nội dung có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Sự khác biệt này khẳng định tác động rõ rệt của môi trường giáo dục đặc thù và các yếu tố văn hóa vùng miền đối với quá trình hình thành năng lực, phẩm chất HS trong cùng một khu vực kinh tế. Bên cạnh đó, khối lượng việc học tập của HS so với năng lực và thời gian ở mức độ phù hợp khá cao tại 3 tỉnh minh chứng cho tính tương thích giữa chương trình giáo dục hiện hành với khả năng tiếp nhận của người học.

Với kết quả nghiên cứu này, các trường trung học cơ sở có thể tham khảo, lựa chọn nội dung năng lực và phẩm chất phù hợp để định hướng phát triển HS theo đặc thù địa phương. Tóm lại, nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm về sự phân hóa năng lực và phẩm chất HS theo khu vực địa lí và nhóm đối tượng. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để các nhà quản lí giáo dục tại Đông Nam Bộ điều chỉnh các kế hoạch giáo dục, tập trung thu hẹp khoảng cách nhận thức giữa người dạy và người học, đồng thời phát huy các giá trị cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong bối cảnh đổi mới.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Andreas, S. (2016). What knowledge, skills and character qualities do successful teachers require? (Chapter 1). In *Teaching excellence through professional learning and policy reform: Lessons from around the world* (pp.11–33). OECD Publishing.
- Do, T. D. (2018). *Mối quan hệ giữa hoạt động đảm bảo chất lượng và sự hình thành văn hóa chất lượng trong trường đại học: So sánh đại học công lập và đại học tư thục [Relationship between quality assurance activities and the formation of quality culture in universities: A comparison of public and private universities]*. Vietnam National University Press.

- Hoang, C. V., Nguyen, D. D., Tran, G. N., Hoang, H. T., Nguyen, H. T., Quach, P. T. T., Luong, T. V., Le, T. T., & Nguyen, T. H. (2017). *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II [Training materials for professional title standards of secondary school teachers, Grade II]*. Vietnam Education Publishing House.
- Hoang, T., & Chu, N. N. M. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1) [Analysis of research data with SPSS (Vol.1)]*. Hong Duc Publishing House.
- Jacques, D., In'am, A. M., Isao, A., Roberto, C., Fay, C., Bronislaw, G., William, G., Aleksandra, K., Michael, M., Marisela, P. Q., Angélique, S. M., Karan, S., Roberto, S., Suhr, M. W., & Nanzhao, Z. (1996). *Learning: The treasure within*. UNESCO.
- Le, T. N. T. (2018). *Xây dựng văn hóa nhà trường phổ thông: Lí thuyết và thực hành [Building school culture: Theory and practice]*. Vietnam National University Press.
- Ministry of Education and Training. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông [Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018, promulgating the General Education Program]*.
- Nguyen, H. V., Le, H. H., & Nguyen, G. T. H. (2024). *Phân tích thống kê trong nghiên cứu giáo dục [Statistical analysis in educational research]*. Bach khoa Publishing House.
- Nyukorong, R. (2014). Core competency and qualities framework for student researchers: A case of Wa Polytechnic in Ghana. *Journal of Education and Practice*, 5(38), 35–54.
- Sobe, N. W. (2023). *Reworking four pillars of education to sustain the commons*. UNESCO.

**ASSESSING STUDENTS' COMPETENCIES AND QUALITIES
IN PUBLIC SECONDARY SCHOOLS IN SOUTHEASTERN VIETNAM**

Do Dinh Thai¹, Nguyen Thi Tu^{2*}

¹Saigon University, Vietnam

²Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Thi Tu – Email: tunth@hcmue.edu.vn

Received: March 25, 2026; Revised: April 17, 2026; Accepted: April 21, 2026

ABSTRACT

Students' competencies and qualities are core elements of educational development aimed at preparing students to become global citizens, who are adaptable to change, contribute positively to society, and support the maintenance and improvement of education quality in school. These competencies and qualities also reflect the comprehensive nature of the Vietnamese educational curriculum. This study investigates and evaluates perceptions of students' competencies and qualities through a survey involving 3,831 teachers and 5,702 students across public secondary schools in Ho Chi Minh City, Binh Duong, and Tay Ninh. The survey consisted of 11 items. The findings show that teachers and students in Ho Chi Minh City and Binh Duong evaluate 11 items higher than in Tay Ninh; Independent sample t-test results revealed statistically significant differences between teachers' and students' evaluations in 9 out of 11 items in Ho Chi Minh City and all 11 items in Binh Duong, whereas no statistically significant differences were found in Tay Ninh. In addition, ANOVA results showed statistically significant differences among the three provinces for all 11 items in the teacher group and 10 out of 11 items in the student group.

Keywords: competencies; qualities; secondary school; Southeastern Vietnam